

Bản án số: 181/2023/DSST

Ngày: 28/6/2023

V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Kim Chi;**

2. Bà **Trần Thu Hồng;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trần Thị Kim Phụng**, thuộc chi nhánh Văn phòng luật sư V – Chi nhánh Gò Công, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, Luật sư P có đơn xin vắng mặt; chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Võ Thị T** có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị **T** trình bày:

Chị **T** là hui viên có tham gia hợp đồng góp hui với đầu thảo là chị **Phạm Thị H**. Vào năm 2021, chị **T** có tham gia 02 dây hui, cụ thể:

- Dây 1: Hui mở ngày 06/3/2021 âm lịch, hui 3.000.000 đồng, hui 20 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 16 kỳ được số tiền 40.000.000 đồng (mỗi kỳ đóng 2.500.000 đồng).

- Dây 2: Hui mở ngày 10/11/2021 âm lịch, hui 5.000.000 đồng, hui 25 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 10 kỳ với số tiền 36.000.000 đồng (mỗi kỳ đóng 3.600.000 đồng).

Đến tháng 8/2022 thì chị **H** kêu bẻ hui và không trả lại tiền nợ hui sống cho chị. Tổng cộng chị **H** còn nợ chị tổng cộng 02 dây hui số tiền là 76.000.000 đồng, hiện chị

H đã trả cho chị T được số tiền 2.000.000 đồng nên còn nợ lại 74.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải của ấp T ngày 20/11/2022, chị H có thừa nhận nợ và hứa sẽ trả chị 2.000.000 đồng/tháng nhưng chị không đồng ý trước sự chứng kiến của tổ hòa giải.

Do đó, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giải quyết:

Buộc chị Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền nợ hội tổng cộng là 74.000.000 đồng. Thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt, tuy nhiên quá trình trình tố tụng chị H trình bày:

Trước đây, chị có làm thảo các dây hội, hội khui 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, khui hàng tháng, một năm chị tổ chức khoảng 3 dây hội, các thành viên chơi hội ở nhiều nơi, cũng có những người ở xóm chị tham gia, riêng hội của chị T chị hoàn toàn không biết, nên chị không có nợ chị T, hiện nay chị cũng ngưng hội không tổ chức hội nữa, chị ngưng hội kể từ khi chồng chị chết vào khoảng đầu năm 2021. Ngoài ra, chị không trình bày gì khác.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Võ Thị T là Luật sư Trần Thị Kim P có đơn xin vắng mặt, không có trình bày ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T. Buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 74.000.000đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Võ Thị T là luật sư Trần Thị Kim P có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

[3] *Về nội dung*: Chị Võ Thị T yêu cầu chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ hội là 74.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Võ Thị T có tham gia 02 dây hội do chị H làm chủ, dây hội mở ngày 06/3/2021 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, hội có 20 phần, chị T tham gia 01 phần, đóng được 16 kỳ hội sống với số tiền 40.000.000 đồng, mỗi kỳ đóng 2.500.000 đồng và dây hội mở ngày 10/11/2021 âm lịch, hội 5.000.000 đồng/tháng, đóng được 10 kỳ hội sống với số tiền 36.000.000 đồng. Tổng cộng số vốn hội chị đã đóng là 76.000.000 đồng, chị H đã trả được 2.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không thừa nhận

có làm đầu thảo dây hụi loại 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng như phía chị T trình bày, chị H cho rằng chị chỉ mở hụi loại 1.000.000 đồng/tháng và 2.000.000 đồng/tháng nên chị H cũng không biết số nợ của chị T. Xét thấy, người làm chứng chị Đặng Thị Hoàng O cho biết chị có tham gia chơi hụi 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 10/11/2021 âm lịch do chị H làm chủ, chị H có đưa danh sách hụi viên trong đó có tên chị T (Thu V); anh Khương Quốc C, ông Trịnh Hải T cũng xác nhận có tham gia chung chị T dây hụi 5.000.000 đồng do chị H làm chủ; chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày có tham gia chung với chị T (V) dây hụi 3.000.000 đồng; bà Lê Thị C có tham gia chơi chung dây hụi mở ngày 06/3/2021 âm lịch với chị T do chị H làm chủ; chị Khương Thụy Hồng K có chơi hụi 3.000.000 đồng khai ngày 06/3/2021 âm lịch của chị H làm chủ. Đồng thời, theo nội dung biên bản hòa giải ngày 20/11/2022 tại ấp T, chị T yêu cầu chị H trả số tiền nợ hụi 74.000.000 đồng, chị H xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng nhưng chị T không đồng ý và chị H bỏ về không ký tên vào biên bản, điều này được ông Trần Công K, ông Lê Văn O xác nhận. Như vậy, chị H không thừa nhận có mở 02 dây hụi loại hụi 5.000.000 mở ngày 10/11/2021 âm lịch và loại hụi 3.000.000 mở ngày 06/3/2021 âm lịch và không đồng ý trả nợ cho chị T là không không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, khi tham gia chơi hụi thì lẽ ra chị T tham gia hụi loại 3.000.000 đồng đóng được 16 kỳ được hưởng vốn và lãi hụi tổng số tiền là 48.000.000 đồng, dây hụi 5.000.000 đồng đóng được 10 kỳ được hưởng vốn và lãi hụi tổng số tiền là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 98.000.000 đồng nhưng chị T chỉ yêu cầu chị H trả số tiền 02 dây hụi 76.000.000 đồng (chị H đã trả được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ 74.000.000 đồng), điều này có lợi cho phía chị H.

Từ những phân tích như trên, việc chị Võ Thị T yêu cầu chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả 74.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

Buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị T số tiền 74.000.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Chị Phạm Thị H có nghĩa vụ nộp 3.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho chị Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0026716 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh